

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 4 Tiết 13: <b>TỪ GHÉP</b>
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Từ ghép”.	1. Có mấy loại từ ghép? 2. Nghĩa của từ ghép được tạo thành do đâu?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**  
**Tuần 4 Tiết 13: TỪ GHÉP**

**I. TÌM HIỂU BÀI**

**1. Các loại từ ghép**

**a. Ví dụ/sgk/13**

- Bà ngoại: “bà” là tiếng chính, “ngoại” là tiếng phụ.
- Thơm phức: “thơm” là tiếng chính, “phức” là tiếng phụ.
- Các từ **quần áo, trầm bổng** không phân chia thành tiếng chính hay phụ. Chúng bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp.

**b. Nhận xét:** Từ ghép có 2 loại: Chính phụ, đẳng lập

**2. Nghĩa của từ ghép**

**a. Ví dụ/sgk/13:** Xét lại ví dụ: sgk/13

- Bà: Người sinh ra mẹ hoặc cha. - Bà ngoại :Người sinh ra mẹ .
- Thơm : Có mùi như hương của hoa, dễ chịu, làm cho thích người.
- Thơm phức : Có mùi thơm bốc lên rất mạnh, hấp dẫn .-> Từ “**bà**”, “**thơm**” có nghĩa rộng hơn.
- Quần áo: quần áo nói chung, có thể chỉ riêng **quần** hoặc **áo**.
- Trầm bổng: âm thanh lúc cao lúc thấp nghe rất êm tai, có thể chỉ âm thanh, giai điệu hay nói chung.

**b. Nhận xét:-** Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính

- Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa các tiếng tạo nên nó.

**II. GHI NHỚ:** SGK:14

**III. LUYỆN TẬP:** Làm bài tập: 2,3 SGK/15

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 4 Tiết 14: <b>ĐẠI TỪ</b>
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Đại từ”.	1. Thế nào là đại từ? 2. Có mấy loại đại từ?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**  
**Tuần 4 Tiết 14: ĐẠI TỪ**

**I. TÌM HIỂU BÀI:**

**1. Thế nào là đại từ:**

**a. Ví dụ/sgk/ 54**

- Nó - trở “em tôi” → người (chủ ngữ)

- Nó - trở “con gà” → con vật (phụ ngữ cho danh từ)
- > Nhờ vào ngữ cảnh của đoạn văn.
- Trả lời nói của bà mẹ (phụ ngữ cho động từ) -> Nhờ vào câu thứ nhất trong đoạn văn.
- Từ “ai” trong bài ca dao dùng để hỏi (chủ ngữ)

**b. Nhận xét:-** Đại từ: là những từ dùng để trỏ người, vật, sự việc ...được nhắc đến trong một ngữ cảnh nhất định, hoặc được dùng để hỏi.

- Chức danh ngữ pháp: làm CN, VN, phụ ngữ trong cụm DT, ĐT, TT.

**2.Các loại đại từ:**

**a. Đại từ để trỏ:**

- Trỏ người, sự vật (đại từ xưng hô). - Trỏ số lượng.- Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

**b. Đại từ để hỏi:**

- Hỏi người, sự vật. - Hỏi về số lượng. - Hỏi về hoạt động, tính chất, sự vật

**II. GHI NHỚ: SGK/ 55, 56**

**III. LUYỆN TẬP: Làm bài tập 1,2**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khó lớp 7</b>	<b>Tuần 4 Tiết 15: LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN</b>
<b>Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Luyện tập tạo lập văn bản”.</b>	<b>1. Lập dàn bài cho đề sau: Em hãy viết thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.</b>

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**Tuần 4 Tiết 15: LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN**

**I. CHUẨN BỊ**

ĐỀ BÀI: Em cần viết một bức thư để tham gia cuộc thi viết thư cho Liên minh Bưu chính Quốc tế (UPU) tổ chức với đề tài: *Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.*

**II. THỰC HÀNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**1. Phần đầu thư:**

- + Địa điểm, ngày, tháng, năm viết thư.
- + Lời xưng hô với người nhận thư.
- + Lý do viết thư.

**2. Nội dung chính của bức thư:**

- + Hỏi thăm tình hình sức khỏe của bạn.
- + Ca ngợi tổ quốc bạn.
- + Giới thiệu về đất nước mình:
  - \*Con người VN.
  - \*Truyền thống lịch sử.
  - \*Danh lam thắng cảnh.
  - \*Đặc sắc về văn hoá và phong tục VN.

**3. Phần cuối thư:**

Lời chào, lời chúc sức khỏe. Lời mời bạn đến thăm đất nước VN.  
Mong tình bạn của 2 nước ngày càng gắn bó khăng khít.

**III. Luyện tập: 1. Viết đoạn mở bài:**

2. Viết đoạn văn ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước ta. (Hoàn thành và nộp lại 2 bài tập theo yêu cầu)

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 4 Tiết 16: <b>SÔNG NÚI NƯỚC NAM</b>
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Sông núi nước Nam”.	1. Bài “Sông núi nước Nam” được viết theo thể thơ gì? 2. Bài “Sông núi nước Nam” muốn khẳng định điều gì?

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**Tuần 4 Tiết 16: SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH**

1. Tác giả (SGK)

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác: Viết năm 1077, khi quân Tống sang xâm lược nước ta .

b. Bố cục văn bản: 2 phần.

+ 2 câu đầu: khẳng định chủ quyền của dân tộc.

+ 2 câu sau: cảnh báo quân giặc không được xâm phạm.

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: Thơ thất ngôn tứ tuyệt (đường luật)

- Ptbđ: Biểu cảm

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

1. Hai câu đầu.

- Âm điệu hùng hồn, rắn rỏi

- Khẳng định về niềm tin, ý chí chủ quyền, tinh thần tự lập, từ cường của dân tộc ta.

2. Hai câu cuối.

- Câu 3: giọng chắc nịch: cảnh báo về hành động xâm lược, liêu lĩnh, phi pháp của quân thù.

- Câu 4: giọng kiêu hãnh, đổng dạc: cảnh báo về sự thất bại nhục nhã của quân giặc.

= > **Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó.**

**III.GHI NHỚ(sgk/65)**

HẾT